



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

PHẠM THỊ HUYỀN TRÂN

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THANH TOÁN
THEO PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ
TẠI NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN VIỆT NAM - CHI NHÁNH
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
MÃ SỐ: 60.34.02.01

Đà Nẵng - Năm 2019

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. HỒ HỮU TIẾN

Phản biện 1: TS. TRẦN NGỌC SƠN

Phản biện 2: PGS.TS. LÂM CHÍ DŨNG

Luận văn được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng họp tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày 17 tháng 5 năm 2017.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin học liệu & Truyền thông - Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, ĐHQĐN

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện nay các phương thức thanh toán quốc tế chủ yếu mà các ngân hàng thương mại Việt Nam thường thực hiện là chuyển tiền, nhờ thu và tín dụng chứng từ. Trong đó, tín dụng chứng từ vẫn là phương thức thanh toán được sử dụng phổ biến và chiếm tỷ trọng cao trong doanh số thanh toán. Không nằm ngoài cuộc với các ngân hàng khác, NHNo&PTNT Việt Nam (Agribank) trong những năm qua xem công tác thanh toán tín dụng chứng từ là một trong những hoạt động trọng tâm của ngân hàng. Như nhiều hoạt động kinh doanh ngân hàng khác, nghiệp vụ thanh toán tín dụng chứng từ luôn hàm chứa khả năng rủi ro đối với ngân hàng, từ đó ảnh hưởng đến thu nhập của ngân hàng, nhất là trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. Nhận thức được tầm quan trọng của công tác thanh toán tín dụng chứng từ đối với hoạt động của NHNo&PTNT Việt Nam nói chung và đối với NHNo&PTNT Việt Nam – Chi nhánh TP Đà Nẵng nói riêng nên tôi chọn đề tài “ Hoàn thiện công tác thanh toán theo phương thức tín dụng chứng từ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng” làm đề tài luận văn tốt nghiệp.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Luận văn được thực hiện nhằm đạt các mục tiêu nghiên cứu cụ thể sau:

- Hệ thống hóa lý luận cơ bản về công tác thanh toán tín dụng chứng từ của Ngân hàng thương mại

- Phân tích thực trạng công tác thanh toán tín dụng chứng từ tại

NHNo&PTNT Việt Nam – Chi nhánh TP Đà Nẵng, đánh giá những

thành công, hạn chế và nguyên nhân.

- Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác này góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại Chi nhánh

Từ mục tiêu nghiên cứu trên luận văn tập trung giải quyết các vấn đề sau:

- Về mặt lý luận, công tác thanh toán tín dụng chứng từ tại ngân hàng

thương mại bao gồm các nội dung gì? Đánh giá kết quả công tác thanh toán tín dụng chứng từ dựa trên những tiêu chí nào?

- Công tác thanh toán tín dụng chứng từ tại Agribank Đà Nẵng đang được thực hiện thế nào?

- Agribank Đà Nẵng cần thực thi giải pháp gì để hoàn thiện công tác thanh toán tín dụng chứng từ?

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về công tác thanh toán tín dụng chứng từ của NHTM và thực tiễn công tác thanh toán tín dụng chứng từ của NHNo&PTNT Việt Nam – Chi nhánh TP Đà Nẵng

- Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Chỉ nghiên cứu công tác thanh toán tín dụng chứng từ tại Agribank Đà Nẵng (không gồm các phương thức thanh toán quốc tế khác).

Về không gian: Nghiên cứu tại Agribank Đà Nẵng

Về thời gian: Nghiên cứu thực trạng hoạt động thanh toán tín dụng chứng từ của Agribank Đà Nẵng từ năm 2013 – 2016.

4. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng phương pháp nghiên cứu: thống kê, so sánh, phân

tích, tổng hợp và các phương pháp khác, đi từ cơ sở lý luận đến thực tiễn nhằm giải quyết và làm sáng tỏ mục tiêu nghiên cứu của luận văn.

5. Bố cục đề tài

Luận văn ngoài phần mở đầu và kết luận, có bố cục gồm ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác thanh toán tín dụng chứng từ của ngân hàng thương mại.

Chương 2: Thực trạng công tác thanh toán tín dụng chứng từ tại NHNo&PTNT Việt Nam – Chi nhánh TP Đà Nẵng

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác thanh toán theo phương thức tín dụng chứng từ tại NHNo&PTNT Việt Nam – Chi nhánh TP Đà Nẵng.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

- Về lý luận, luận văn góp phần hệ thống hóa lý luận cơ bản về thanh toán tín dụng chứng từ của NHTM

- Về thực tiễn, phân tích đánh giá công tác thanh toán tín dụng chứng từ tại Agribank Đà Nẵng, từ đó đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác này của Chi nhánh.

7. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

1.1 KHÁI QUÁT VỀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1 Tổng quan về thanh toán quốc tế

a. Khái niệm thanh toán quốc tế

Về định nghĩa thanh toán quốc tế, theo giáo trình Thanh toán quốc tế, trường Đại học kinh tế Đà Nẵng, Khoa Tài chính – Ngân hàng:

“Quan hệ thanh toán quốc tế có thể hiểu là quan hệ thanh toán (chi trả, thu nhập, thụ hưởng) giữa các chủ thể của quốc gia này và các chủ thể của các quốc gia khác và với các tổ chức quốc tế”.

b. Vai trò thanh toán quốc tế

Vai trò của thanh toán quốc tế được xem xét trên giác độ đối với các chủ thể liên quan như sau:

- **Đối với ngân hàng thương mại**

Hoạt động thanh toán quốc tế giúp ngân hàng đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của khách hàng về các dịch vụ tài chính có liên quan tới thanh toán quốc tế.

Hoạt động thanh toán quốc tế làm tăng tính thanh khoản cho ngân hàng. Khi thực hiện các nghiệp vụ thanh toán quốc tế, ngân hàng có thể thu hút được nguồn vốn ngoại tệ tạm thời nhàn rỗi của các doanh nghiệp có quan hệ thanh toán quốc tế với ngân hàng dưới hình thức các khoản ký quỹ chờ thanh toán.

Thanh toán quốc tế còn tạo điều kiện hiện đại hoá công nghệ ngân hàng. Các ngân hàng sẽ áp dụng các công nghệ tiên tiến để hoạt động thanh toán quốc tế được thực hiện nhanh chóng, kịp thời và

chính xác, nhằm phân tán rủi ro, góp phần mở rộng qui mô và mạng lưới ngân hàng.

Hoạt động thanh toán quốc tế giúp ngân hàng mở rộng quan hệ với các ngân hàng nước ngoài, nâng cao uy tín của mình trên trường quốc tế, trên cơ sở đó khai thác được nguồn tài trợ của các ngân hàng nước ngoài và nguồn vốn trên thị trường tài chính quốc tế để đáp ứng nhu cầu về vốn của ngân hàng.

- Đối với doanh nghiệp xuất nhập khẩu

Thanh toán quốc tế phục vụ nhu cầu thanh toán cho hàng hóa và dịch vụ xuất nhập khẩu của doanh nghiệp. Khi việc thanh toán được bảo đảm, giúp doanh nghiệp giữa các nước tăng cường trao đổi hàng hóa từ đó tăng khối lượng, doanh thu, lợi nhuận, và quan hệ giao dịch doanh nghiệp các nước.

- Đối với nền kinh tế

. Thanh toán quốc tế góp phần giải quyết mối quan hệ hàng hoá tiền tệ, tạo nên sự liên tục của quá trình sản xuất và đẩy nhanh quá trình lưu thông hàng hoá trên phạm vi quốc tế.

Thanh toán quốc tế làm tăng cường các mối quan hệ giao lưu kinh tế giữa các quốc gia, giúp cho quá trình thanh toán được an toàn, nhanh chóng, tiện lợi và giảm bớt chi phí cho các chủ thể tham gia. Các phương thức thanh toán quốc tế chủ yếu

Các phương thức thanh toán quốc tế phổ biến hiện nay bao gồm:

- Phương thức chuyển tiền
- Phương thức nhờ thu

Phương thức nhờ thu trơn

Phương thức nhờ thu kèm chứng từ:

- Phương thức mở tài khoản

- Phương thức thư bảo đảm trả tiền (L/G)

Phương thức thư bảo đảm trả tiền có ba loại:

Hàng đến trả tiền

Kiểm tra xong hàng hóa trả tiền

Hàng đến trả tiền một phần, phần còn lại sau khi kiểm tra xong thì trả tiền

- Phương thức ủy thác mua (AP)
- Phương thức tín dụng chứng từ

1.1.2. Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ

a. Giới thiệu về thư tín dụng

- Khái niệm thư tín dụng

“L/C (Letter of Credit - L/C) là một chứng thư rất quan trọng của phương thức thanh toán tín dụng chứng từ, trong đó NH mở L/C cam kết trả tiền cho nhà xuất khẩu nếu họ xuất trình được một bộ chứng từ phù hợp với yêu cầu của L/C. Nếu không mở được L/C thì phương thức này cũng không được xác lập và người xuất khẩu sẽ không thể giao hàng cho người nhập khẩu”

- Các loại thư tín dụng

Thư tín dụng hủy ngang (Revocable L/C)

Thư tín dụng không hủy ngang (Irrevocable L/C)

Thư tín dụng miễn truy đòi (Without Recourse L/C)

Thư tín dụng có xác nhận (Confirmed L/C)

Thư tín dụng chuyển nhượng (Transferable L/C)

Thư tín dụng giáp lưng (Back to Back L/C)

Thư tín dụng thanh toán dần (Deferred Payment L/C)

Thư tín dụng tuần hoàn (Revolving L/C)

Có 2 loại L/C tuần hoàn:

L/C tuần hoàn tích lũy (cumulative revolving L/C)

L/C tuần hoàn không tích lũy (non-cumulative revolving L/C)

Có 3 cách tuần hoàn:

Tuần hoàn tự động: L/C sau tự động có giá trị như cũ mà không cần có sự thông báo của NH phát hành cho nhà xuất khẩu biết.

Tuần hoàn bán tự động: nếu sau một số ngày nhất định kể từ ngày L/C hết hạn hiệu lực hoặc đã sử dụng hết mà NH phát hành không có ý kiến gì thì L/C kế tiếp tự động có giá trị như cũ.

Tuần hoàn hạn chế: là chỉ khi nào NH phát hành thông báo cho người bán thì L/C kế tiếp mới có hiệu lực.

Thư tín dụng dự phòng (Standby L/C)

Thư tín dụng với điều khoản đỏ (Red Clause L/C)

b. Quy trình thanh toán

- 1) Ký kết hợp đồng
- 2) Căn cứ vào hợp đồng, người NK làm thủ tục đề nghị mở L/C gửi đến NH
- 3) NH tiếp nhận đề nghị, xem xét và phát hành L/C.
- 4) NH mở L/C gửi L/C đến NH thông báo.
- 5) NH thông báo kiểm tra và thông báo cho người XK.
- 6) Người XK kiểm tra nội dung L/C
- 7) Người XK giao hàng.
- 8) Người XK lập chứng từ và xuất trình cho NH.
- 9) NH kiểm tra bộ chứng từ và thanh toán.
- 10) NH chỉ định chuyển bộ chứng từ cho NH mở L/C để đòi lại tiền.
- 11) NH mở L/C kiểm tra và thanh toán lại.
- 12) NH mở L/C thông báo cho người NK.
- 13) Người NK trả tiền và nhận bộ chứng từ.
- 14) Người NK nhận hàng.

c. Các văn bản pháp lý mang tính chất quốc tế sử dụng trong hoạt động thanh toán tín dụng chứng từ

d. Ưu nhược điểm phương thức thanh toán tín dụng chứng từ

- Ưu điểm

Đối với nhà nhập khẩu

Người nhập khẩu được đảm bảo chỉ phải trả tiền khi nhận được bộ chứng từ chứng minh việc giao hàng của nhà xuất khẩu là đúng với quy định trong L/C.

Người nhập khẩu có thể tranh thủ các khoản tài trợ của ngân hàng mở

L/C trong các trường hợp mức kỹ quỹ nhỏ hơn 100% giá trị hợp đồng hay cho vay để thanh toán cho nhà xuất khẩu...

Phương thức L/C ràng buộc nghĩa vụ của người xuất khẩu, bắt buộc người xuất khẩu muốn được thanh toán tiền hàng thì phải nghiêm chỉnh thực hiện hợp đồng đã ký kết, giao hàng đúng về chất lượng, đủ về số lượng. Bất cứ sai biệt nào trong quá trình thực hiện hợp đồng phản ánh trên chứng từ cũng có thể khiến họ bị từ chối thanh toán. Do vậy, quyền lợi của nhà nhập khẩu được đảm bảo tuyệt đối.

Đối với nhà xuất khẩu

Phương thức này cũng đảm bảo quyền lợi cho nhà xuất khẩu, giúp họ yên tâm khi ký kết hợp đồng với các đối tác ở nhiều nước khác nhau mà chưa thực sự hiểu biết về họ. Người xuất khẩu chỉ cần thực hiện tốt nghĩa vụ giao hàng và xuất trình đầy đủ chứng từ là chắc chắn sẽ thu được tiền.

Việc thu tiền hàng của người xuất khẩu không phụ thuộc vào tình hình tài chính của người mua, thay vào đó là cam kết thanh toán

của ngân hàng phát hành, ngân hàng xác nhận L/C...

Trường hợp bộ chứng từ hoàn hảo, người xuất khẩu có thể đem chiết khấu chứng từ để thu hồi vốn ngay, tiếp tục đầu tư vào sản xuất kinh doanh, tránh được tình trạng đọng vốn trong thanh toán gây lãng phí vốn.

Đối với các ngân hàng thương mại

Các ngân hàng tham gia vào quá trình thanh toán theo phương thức tín dụng chứng từ được hưởng nguồn thu nhập đáng kể từ phí dịch vụ. Mức phí này thường cao hơn các dịch vụ khác và khá ổn định.

Bên cạnh đó, số tiền ký quỹ của khách hàng khi mở L/C tạo điều kiện cho ngân hàng phát hành L/C tăng tính thanh khoản, phục vụ dự phòng rủi ro và các mục đích khác.

Đây cũng là công cụ cạnh tranh rất có hiệu quả của NHTM. Khi bảo lãnh thành công cho các hợp đồng lớn, uy tín về khả năng đánh giá chất lượng tín dụng của ngân hàng sẽ tăng lên đáng kể. Mặt khác, hoạt động này còn giúp ngân hàng thắt chặt mối quan hệ với khách hàng và các ngân hàng đối tác trên thế giới.

● **Nhược điểm**

Mặc dù có nhiều ưu điểm và được coi là phương thức thanh toán an toàn nhất hiện nay, phương thức tín dụng chứng từ vẫn tồn tại một số nhược điểm:

Đối với nhà nhập khẩu

Người nhập khẩu muốn mở L/C phải có những ràng buộc nhất định về khả năng tài chính theo tiêu chuẩn của ngân hàng mở. Cụ thể họ phải ký quỹ tại ngân hàng theo tỷ lệ phần trăm nhất định trên giá trị hợp đồng tùy theo mối quan hệ với ngân hàng. Điều này ít nhiều làm đọng vốn của họ.

Mở L/C mất chi phí cao hơn sử dụng các phương thức thanh toán khác.

Người nhập khẩu vẫn có thể gặp rủi ro khi người xuất khẩu giả mạo hay thay đổi chứng từ để lấy tiền, trong khi việc giao hàng không đúng với hợp đồng và L/C.

Đối với nhà xuất khẩu

Quá trình thanh toán theo phương thức này phải trải qua nhiều khâu, nhiều công đoạn, thông qua nhiều ngân hàng ở nhiều quốc gia, do đó phải mất một thời gian khá dài sau khi giao hàng nhà xuất khẩu mới thu được vốn. Họ có thể chiết khấu chứng từ nhưng phải mất một khoản phí đáng kể.

Người xuất khẩu phải tiến hành kiểm tra thật kỹ khi nhận được thông báo L/C. Tránh trường hợp L/C mở ra vượt quá khả năng của mình.

Nếu người nhập khẩu không có thiện chí trả tiền hoặc không muốn nhận hàng, họ có thể bắt những lỗi rất nhỏ để từ chối thanh toán gây thiệt hại cho người xuất khẩu.

Đối với các ngân hàng thương mại

Đây là phương thức có kỹ thuật nghiệp vụ phức tạp, đòi hỏi các thanh toán viên phải có trình độ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ nhất định mới thực hiện được. Trách nhiệm và nghĩa vụ của ngân hàng cũng cao hơn, do vậy rủi ro cho ngân hàng trong hoạt động thanh toán này cũng cao hơn so với các phương thức khác. Thực tế xảy ra nhiều trường hợp những sai sót trong quá trình lập và kiểm tra chứng từ gây tổn thất không nhỏ cho các ngân hàng.

1.2. CÔNG TÁC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ CỦA NHTM

1.2.1. Bối cảnh kinh doanh và mục tiêu của hoạt động thanh toán tín dụng chứng từ của NHTM

a. Bối cảnh kinh doanh

b. Mục tiêu hoạt động

Công tác thanh toán tín dụng chứng từ là một hoạt động quan trọng trong ngân hàng, do vậy việc xác định mục tiêu rõ ràng là điều hết sức cần thiết, cụ thể các mục tiêu được trình bày dưới đây:

- Đáp ứng nhu cầu của khách hàng, mở rộng quy mô kinh doanh
- Tăng trưởng thị phần
- Nâng cao chất lượng dịch vụ
- Kiểm soát rủi ro
- Gia tăng thu nhập

1.2.2. Công tác tổ chức quản lý hoạt động thanh toán tín dụng chứng từ

1.2.3. Các hoạt động NHTM thường triển khai thực hiện thanh toán tín dụng chứng từ

Để đạt được mục tiêu đề ra các ngân hàng cần có một kế hoạch với các biện pháp để thực hiện mục tiêu. Cụ thể:

a. Nghiên cứu nắm bắt nhu cầu khách hàng

b. Hoàn thiện quy trình thủ tục thanh toán tín dụng chứng từ

c. Mở rộng mạng lưới chi nhánh, ngân hàng đại lý

d. Chính sách quảng bá

e. Kiểm soát rủi ro

Căn cứ vào mức độ rủi ro đã được tính toán, các hệ số an toàn tài chính, và khả năng chấp nhận rủi ro mà có những biện pháp phòng chống khác nhau nhằm giảm mức độ thiệt hại, có nhiều chọn lựa:

- Né tránh rủi ro
- Ngăn ngừa rủi ro
- Giảm thiểu tổn thất
- Đa dạng hóa danh mục tài trợ

f. Đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ

g. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

1.2.4. Các tiêu chí phản ánh kết quả công tác thanh toán tín dụng chứng từ

a. Nhóm chỉ tiêu phản ánh quy mô

- Doanh số thanh toán tín dụng chứng từ
- Số món thanh toán tín dụng chứng từ

b. Thị phần hoạt động thanh toán tín dụng chứng từ

c. Nhóm chỉ tiêu phản ánh chất lượng dịch vụ

d. Chỉ tiêu phản ánh mức độ rủi ro thanh toán

e. Chỉ tiêu phản ánh thu nhập

1.2.5. Các nhân tố ảnh hưởng công tác thanh toán tín dụng chứng từ

a. Nhân tố bên ngoài ngân hàng

- Khách hàng
- Cạnh tranh từ các ngân hàng thương mại
- Chính sách kinh tế của quốc gia
- Tỷ giá hối đoái

b. Nhân tố bên trong ngân hàng

- Tiềm lực tài chính và uy tín ngân hàng
- Định hướng chiến lược kinh doanh ngân hàng
- Hệ thống thông tin của ngân hàng
- Các chính sách của ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác

liên quan

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Nội dung chương 1 luận văn đã trình bày hệ thống cơ sở lý luận về các phương thức thanh toán quốc tế nói chung và phương thức thanh toán tín dụng chứng từ nói riêng, các nội dung công tác thanh toán tín dụng chứng từ của ngân hàng thương mại. Về nội dung công tác thanh toán tín dụng chứng từ của ngân hàng thương mại luận văn đã nêu rõ ý nghĩa phân tích bối cảnh kinh doanh, xác định các mục tiêu hoạt động, công tác tổ chức và các hoạt động triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, luận văn còn đưa ra các chỉ tiêu phản ánh kết quả công tác thanh toán tín dụng chứng từ gồm các chỉ tiêu phản ánh tăng trưởng, chất lượng dịch vụ, kiểm soát rủi ro, thu nhập và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến công tác thanh toán tín dụng chứng từ của ngân hàng thương mại.

Dựa trên cơ sở lý luận của chương 1 là nền tảng cho việc phân tích thực trạng công tác thanh toán tín dụng chứng từ tại Agribank Đà Nẵng ở chương 2 và đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác thanh toán tín dụng chứng từ đối với Agribank Đà Nẵng ở chương 3.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ TẠI NHNo&PTNT VIỆT NAM - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1. GIỚI THIỆU VỀ NHNo&PTNT VIỆT NAM - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

2.1.2 Chức năng và nhiệm vụ của Chi nhánh Agribank Đà Nẵng

2.1.3 Cơ cấu tổ chức quản lý của Chi nhánh

2.1.4 Kết quả hoạt động kinh doanh

a. Công tác huy động vốn

b. Hoạt động cho vay

Trong bối cảnh đầu ra tín dụng gặp khó khăn do sức cầu kinh
tế

c. Kết quả tài chính

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THANH TOÁN THEO PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ TẠI NHNo&PTNT VIỆT NAM – CHI NHÁNH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.2.1. Bối cảnh kinh doanh và mục tiêu hoạt động thanh toán tín dụng chứng từ của NHNo&PTNT Việt Nam – Chi nhánh TP Đà Nẵng.

a. Bối cảnh kinh doanh

b. Mục tiêu hoạt động thanh toán L/C

2.2.2. Công tác tổ chức hoạt động thanh toán tín dụng chứng từ tại NHNo&PTNT Việt Nam – Chi nhánh TP Đà Nẵng

a. Cơ chế thực hiện

b. Công tác tổ chức

2.2.3. Các biện pháp Agribank Đà Nẵng đã triển khai thực hiện công tác thanh toán tín dụng chứng từ

a. Quy trình thực hiện

Bước 1: Tiếp nhận giao dịch

Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Bước 3: Gửi hồ sơ đến TTTN TTTM

Bước 4: Tiếp nhận và xử lý giao dịch tại TTTN TTTM

Bước 5: Hoàn tất giao dịch tại chi nhánh

b. Chính sách đối với từng nhóm khách hàng

❖ Mục tiêu chính sách

- Quy định thống nhất cách ứng xử, đảm bảo tính minh bạch, công khai và công bằng của Agribank Đà Nẵng trong mối quan hệ đối với các khách hàng là doanh nghiệp.

- Duy trì và phát triển một cơ cấu khách hàng bền vững của Agribank Đà Nẵng

❖ Nội dung chính sách

Khách hàng được xếp hạng tại hệ thống tín dụng nội bộ

Hiện tại Agribank có chính sách chung về cấp tín dụng doanh nghiệp, theo đó khách hàng sẽ được Agribank áp dụng tổng thể các chính sách sau:

- Chính sách tiếp thị khách hàng (Phụ lục D);
- Chính sách về cấp tín dụng

Agribank Đà Nẵng cung cấp sản phẩm hiện có đến khách hàng, khi đáp ứng điều kiện cấp tín dụng chung: đáp ứng điều kiện vay vốn theo quy chế cho vay, mức xếp hạng từ BBB trở lên. Thực tế tại chi nhánh, đối với dịch vụ phát hành L/C chỉ áp dụng đối với khách hàng có xếp hạng tín dụng từ A trở lên.

- Chính sách về bảo đảm tiền vay (Phụ lục I);
- Chính sách về giá (Phụ lục II)

C. Biện pháp kiểm soát rủi ro

Hiện tại, Agribank Đà Nẵng không tiến hành cung cấp dịch vụ thanh toán tín dụng chứng từ đối với các đối tượng khách hàng không đáp ứng các điều kiện giao dịch, cụ thể:

- Không đáp ứng điều kiện tính pháp lý: năng lực pháp luật dân sự, hành vi dân sự, hồ sơ không đầy đủ và hợp lệ.

- Liên quan đến hoạt động rửa tiền: theo quy định về phòng chống rửa tiền, đối với các giao dịch tài trợ thương mại trước khi thực hiện giao dịch luôn yêu cầu cán bộ quản lý khách hàng tiến hành kiểm tra khách hàng có thuộc danh sách đen, danh sách cảnh báo hay không, nếu khách hàng thuộc danh sách hay đối tác khách hàng liên quan đến danh sách sẽ tiến hành trình tự từ trì hoãn giao dịch đến báo cáo với cơ quan có thẩm quyền, trụ sở chính theo đúng quy định..

- Không đáp ứng năng lực tài chính: đối với nguồn đảm bảo thanh toán là nguồn vay: các doanh nghiệp không được phép vay theo quy định hệ thống xếp hạng tín dụng...

- Thẩm định hồ sơ đề nghị phát hành L/C đối với việc phát hành L/C, sửa đổi L/C

- Đối với phát hành L/C bằng nguồn vốn vay, đảm bảo chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa cho ngân hàng trong trường hợp khách hàng không có nguồn thanh toán, cụ thể chứng từ vận tải là vận đơn đường biển/vận đơn hàng không đều có quyền yêu cầu vận đơn được lập theo lệnh của ngân hàng/ lập đích danh cho ngân hàng

- Kiểm tra đầy đủ bộ chứng từ xuất trình nhận được từ bên người hưởng theo quy định

- Kiểm tra dự nguồn trước một ngày so với ngày đến hạn thanh

toán

- Thường xuyên cập nhật danh sách các quốc gia cấm vận, các đối tượng liên quan đến hoạt động rửa tiền 1 tháng/1 lần hoặc khi có thông báo đột xuất, chi nhánh thường xuyên kiểm tra thông báo của OFAC,...

- Chi nhánh thường xuyên cập nhật danh sách cảnh báo, đen, công khai,.. theo quy định phòng chống rửa tiền đến từng phòng ban.

- Đảm bảo nguồn thanh toán trước khi phát hành L/C: mở L/C bằng nguồn vốn tự có ký quỹ 100% trị giá L/C cùng loại tiền tệ của L/C hoặc từ nguồn vốn vay đảm bảo thẩm định như quy định cấp tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp

- Áp dụng các điều kiện tài sản bảo đảm khi sử dụng nguồn đảm bảo thanh toán từ tiền vay

d. Đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, công nghệ ngân hàng

Agribank Đà Nẵng đã thực hiện trang bị máy móc, phần mềm phục vụ công tác thanh toán tín dụng chứng từ. Cụ thể:

❖ Các chương trình quản lý

AGRIBANK quản lý giao dịch tài trợ thương mại nói chung và L/C nói riêng dựa trên các chương trình hiện đại sau:

- TF: Chương trình quản lý giao dịch tài trợ thương mại và bảo lãnh

- TF plus (TF+): Chương trình gửi/ nhận hồ sơ giữa chi nhánh và TTTN TTTM

- TF swin: Chương trình quản lý điện Swift đến

- TF online: chương trình kiểm tra, lưu trữ hồ sơ trực tuyến

- SA: chương trình Swiftalliance

- AML: chương trình lọc điện Swift

❖ Hình thức phát hành L/C

L/C được phát hành, sửa đổi bằng điện Swift có tính xác thực. Việc phát hành sửa đổi bằng thư chỉ áp dụng giới hạn đối với một số trường hợp, chẳng hạn trường hợp người thụ hưởng nhận trực tiếp L/C từ Agribank hoặc Agribank chưa có quan hệ, trao đổi mã khóa Swift với ngân hàng thông báo hoặc các trường hợp khác mà việc thông báo bằng điện Swift không thực hiện được hoặc thực hiện không hiệu quả.

❖ Nguồn nhân lực

2.2.4. Kết quả thực hiện công tác thanh toán tín dụng chứng từ tại NHNo&PTNT Việt Nam - Chính Nhánh TP Đà Nẵng

a. Quy mô hoạt động thanh toán tín dụng chứng từ

- Doanh số thanh toán
- Số lượng L/C

b. Thị phần hoạt động thanh toán L/C

c. Chất lượng dịch vụ thanh toán tín dụng chứng từ tại chi nhánh

d. Mức độ rủi ro thanh toán trong hoạt động thanh toán tín dụng chứng từ tại chi nhánh

e. Thu nhập từ hoạt động thanh toán tín dụng chứng từ

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG CÔNG TÁC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ TẠI NHNo&PTNT VIỆT NAM – CHI NHÁNH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.3.1. Thành công đạt được

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân

a. Hạn chế

b. Nguyên nhân

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 luận văn đã trình bày khái quát về Agribank nói chung và Agribank Đà Nẵng nói riêng, tiếp theo phân tích rõ thực trạng công tác thanh toán tín dụng chứng từ đang diễn ra tại Agribank Đà Nẵng. Phân tích thực trạng bao gồm :

- Xem xét bối cảnh kinh doanh từ nhu cầu của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu đến cạnh tranh với các ngân hàng thương mại khác trên địa bàn Đà Nẵng

- Xác định mục tiêu định hướng của Agribank Đà Nẵng đối với công tác thanh toán tín dụng chứng từ,

- Trình bày cách thức tổ chức thực hiện công tác này tại chi nhánh

- Các biện pháp Agribank Đà Nẵng đã triển khai thực hiện

- Phân tích các kết quả đạt được, đưa ra đánh giá chung đối với công tác thanh toán tín dụng chứng từ của Agribank Đà Nẵng

Từ các nội dung phân tích thực trạng đề tài xác định được những kết quả đạt được và các hạn chế, nguyên nhân trong công tác thanh toán tín dụng chứng từ của Agribank Đà Nẵng là cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thanh toán tín dụng chứng từ tại Agribank Đà Nẵng ở chương 3.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ TẠI NHNo&PTNT VIỆT NAM – CHI NHÁNH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

3.1.1. Kế hoạch kinh doanh của Agribank Đà Nẵng hàng năm (2017-2020)

3.1.1. Định hướng của Agribank Đà Nẵng đối với công tác thanh toán tín dụng chứng từ

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THANH TOÁN TÍN DỤNG CHỨNG TỪ TẠI NHNo&PTNT VIỆT NAM – CHI NHÁNH THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG.

3.2.1. Tăng cường nắm bắt nhu cầu của khách hàng

Nguồn thu thập thông tin khách hàng có thể là từ nguồn dữ liệu thứ cấp, sơ cấp. Cụ thể:

Thu thập từ nguồn dữ liệu thứ cấp

- Bên trong ngân hàng
- Bên ngoài ngân hàng

Thu thập thông tin nguồn dữ liệu sơ cấp

Ngân hàng có thể sử dụng phương pháp phỏng vấn dưới đây để thu thập thông tin:

- Phương pháp phỏng vấn trực tiếp
- Phương pháp phỏng vấn qua thư từ
- Phương pháp phỏng vấn qua điện thoại

3.2.2. Chú trọng công tác chăm sóc khách hàng

3.2.3. Vận dụng chính sách giá phí linh hoạt

- Ưu đãi về phí, lãi suất đối với khách hàng quan trọng của chi

3.2.4. Thực hiện có hiệu quả chính sách quảng bá dịch vụ

3.2.5. Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro

3.2.6. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

3.3. KIẾN NGHỊ

3.3.1. Đối với Chính phủ

3.3.2. Đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

3.3.3. Đối với Hội sở Agribank

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở những hạn chế và phân tích nguyên nhân từ chương 2, chương 3 đã đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thanh toán tín dụng chứng từ tại Agribank Đà Nẵng. Chương 3 đã tập trung vào các nội dung sau:

- Nêu rõ định hướng của Agribank Đà Nẵng đối với công tác thanh toán tín dụng chứng từ.

- Cơ sở đưa ra giải pháp dựa vào thực trạng của chi nhánh về những hạn chế trong hoạt động nghiên cứu nhu cầu, chăm sóc khách hàng, chính sách giá đã phân tích chương 2 từ đó làm nền tảng trong việc đề xuất các giải pháp như: tăng cường nắm bắt nhu cầu khách hàng, chú trọng công tác chăm sóc khách hàng, áp dụng chính sách giá đa dạng, linh hoạt, thực hiện chính sách quảng bá dịch vụ.

- Duy trì và phát huy những kết quả đạt được bằng cách bổ sung các gợi ý trong hoạt động kiểm soát rủi ro và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Ngoài ra luận văn cũng đưa ra một số kiến nghị đối với các cơ quan hữu quan như: Chính phủ, NHNN, Agribank Việt Nam... tạo điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện công tác thanh toán tín dụng chứng từ tại Agribank Đà Nẵng.

KẾT LUẬN

Quy luật mâu thuẫn là một trong ba quy luật cơ bản và là hạt nhân của phép biện chứng duy vật. Quy luật mâu thuẫn là thành quả của sự kế thừa có chọn lọc những quan niệm về mâu thuẫn trong lịch sử triết học trước Mác, đặc biệt là các triết gia vĩ đại của phương Đông và phương Tây.

Mác - Ăngghen - Lênin đã khắc phục những hạn chế và kế thừa thành tựu của những người đi trước bằng tài năng và sự trợ giúp của khoa học hiện đại, từ đó xây dựng thành công lí luận khoa học về mâu thuẫn. Các ông đã đưa ra và chứng minh mâu thuẫn tồn tại phổ biến trong tự nhiên, xã hội và tư duy, mâu thuẫn là hiện tượng tự thân, là nguồn gốc, động lực của mọi sự vận động, biến đổi. Hệ thống quan điểm của các ông xây dựng đã trở thành cẩm nang lí luận trong việc giải quyết mâu thuẫn trong xã hội, thúc đẩy xã hội phát triển.

Để thực hiện xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công, đưa nước ta sánh vai với các cường quốc trên thế giới, cần phải có con người vừa có đức, vừa có tài. Việc đào tạo thế hệ trẻ đáp ứng được yêu cầu đó là trách nhiệm của toàn Đảng toàn dân, trước hết là trách nhiệm của giáo dục đào tạo, nhà trường là đơn vị trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chính trị “nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài”. Để thực hiện nhiệm vụ đó, vấn đề đặt ra cho nhà trường là phải có sự chuyển biến căn bản toàn diện để nâng cao chất lượng giáo dục. Việc nâng cao chất lượng giáo dục là yêu cầu hết sức quan trọng và cấp thiết. Chất lượng giáo dục liên quan đến nhiều yếu tố: mục đích, nội dung, phương pháp giảng dạy, đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí, học sinh, cơ sở vật chất, tài chính... Vì vậy phải có những biện pháp phối hợp lí giữa các nhân tố trên thúc đẩy chất lượng giáo dục. Từ khi thực hiện Nghị Quyết 29/ NQ- TW, chất lượng giáo dục

Trung học phổ thông của thành phố Đà Nẵng đã đạt được những thành tích nổi bật như tỉ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp cao, tỉ lệ học sinh giỏi quốc gia tăng và đặc biệt học sinh bỏ học tiếp tục giảm. Tuy nhiên những thành tích đó so với mong muốn của nhân dân và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố vẫn còn chưa đáp ứng được, còn tồn tại nhiều mâu thuẫn như: nội dung chương trình mâu thuẫn với sự đòi hỏi đổi mới cơ bản toàn diện, mâu thuẫn trong việc đầu tư cơ sở vật chất- trang thiết bị dạy học trong nhà trường với yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, mâu thuẫn giữa yêu cầu và phát triển nhân cách với trang bị kiến thức cho người học, mâu thuẫn trong kiểm tra đánh giá và năng lực thực tế của học sinh. Chính điều này cần phải có sự vận dụng quy luật mâu thuẫn để đưa ra những giải pháp góp phần nâng cao chất lượng giáo dục. Những giải pháp đó là:

- Tiếp tục thực hiện đổi mới đồng bộ và hiệu quả nội dung chương trình, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá;
- Xây dựng, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu của đổi mới nội dung và phương pháp dạy học;
- Tăng cường đầu tư đồng bộ và hợp lý cho giáo dục THPT;
- Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, khuyến khích sự sáng tạo của các cấp trong nhà trường từ người quản lý đến người dạy và người học.

Thực hiện hiệu quả các giải pháp đã nêu hi vọng chất lượng giáo dục Trung học phổ thông của Thành phố Đà Nẵng tăng lên và từ đó đào tạo ra những công dân của đất nước đúng như mong mỏi của Bác Hồ lúc sinh thời : “Non sông Việt nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”.

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
BAN ĐÀO TẠO

LUẬN VĂN ĐƯỢC KIỂM TRA
2019